

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAM RANH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **35/2020/DS-ST**

Ngày: 24/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đại Hải

2. Bà Phan Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh – tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh - sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: TDP N, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* bà Bùi Thị L – sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Tdp L, phường CL, Thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 05/8/2020 số công chứng 3139, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD). Bà L có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1959; Nơi cư trú: TDP N, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Văn Th – sinh năm 1953; Nơi cư trú: TDP N, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn trình bày:* Tôi và vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch có quan hệ quen biết với nhau. Quá trình quen biết, tôi có cho vợ chồng ông Th, bà Ch mượn số tiền 185.000.000 đồng như sau:

- Ngày 24/6/2020, tôi có cho vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch mượn 180.000.000 đồng để sử dụng vào việc làm ăn, hẹn khi nào tôi cần tiền thì vợ chồng ông Th, bà Ch trả. Việc vay mượn này có lập giấy mượn tiền có chữ ký của ông Th, bà Ch.

- Ngày 08/7/2020, tôi có cho vợ chồng ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch mượn tiếp 5.000.000 đồng để sử dụng vào việc làm ăn, hẹn khi nào tôi cần tiền thì vợ chồng ông Th, bà Ch trả. Việc vay mượn này có lập giấy mượn tiền có chữ ký của ông Th, bà Ch.

Tuy nhiên, đến ngày 15/7/2020 tôi cần tiền có đến đòi nợ nhưng vợ chồng ông Th, bà Ch không chịu trả. Cho đến nay, tôi đã đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông Th, bà Ch vẫn cố tình không trả nợ cho tôi. Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Ch phải trả cho tôi 185.000.000 đồng tiền gốc, tôi không yêu cầu tiền lãi.

Ngày 21/8/2020, nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau: nguyên đơn xác định số nợ trên chỉ do bà Nguyễn Thị Ch đứng ra vay nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch trả cho nguyên đơn số nợ 185.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Ch, tuy nhiên nếu ông Th đồng ý cùng bà Ch trả nợ thì nguyên đơn cũng đồng ý.

Bị đơn vắng mặt, không thể hiện ý kiến

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Bản thân tôi không biết gì về số nợ 185.000.000 đồng trên cũng như chữ ký trong giấy vay tiền đứng tên tôi mà bà Nh cung cấp. Tôi xác nhận chữ ký trên là của vợ tôi Nguyễn Thị Ch. Tuy nhiên bà Ch không mang số tiền trên để chi tiêu trong gia đình. Tôi đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cùng với bà Ch trả cho nguyên đơn số tiền 185.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – bà Ch vắng mặt không có lý do, vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Ch cùng ông Lê Văn Th (theo sự tự nguyện thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ của ông Th và nguyên đơn) trả lại số tiền đã vay cho nguyên đơn là 185.000.000 đồng. Về án phí: bị đơn được miễn nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ch vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn cung cấp giấy vay tiền thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có vay số tiền 185.000.000 đồng. Chứng cứ này được ông Lê Văn Th (chồng bà Ch) xác thực đúng chữ ký của bà Ch nhưng không thừa nhận chữ ký của mình trên tờ giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, nay ông Thành cũng đồng ý cùng với bà Ch trả khoản nợ trên cho nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất nên ghi nhận.

[3] Như vậy, số tiền mà nguyên đơn khởi kiện 185.000.000 đồng là phù hợp với giấy vay tiền đã cung cấp nên chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, không xác định thời hạn. Nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là hoàn toàn phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên và quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Về việc ông Th yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi chậm trả: không có yêu cầu nên không xét.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ch phải chịu toàn bộ án phí là 9.250.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn thuộc trường hợp miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí theo Điều 2 Luật người cao tuổi 2009 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

### Áp dụng:

- Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 2 Luật người cao tuổi 2009
- Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Ch và ông Lê Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền nợ vay là 185.000.000 đồng (*bằng chữ: một trăm tám mươi lăm triệu đồng*)

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Ch được miễn nộp tiền án phí. Hoàn lại cho nguyên đơn 4.625.000 đồng (*bốn triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000787 ngày 06/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Cam Ranh.

3. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Cam Ranh;
- Dương sự;
- THADS Tp. Cam Ranh;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu